

## YÊU CẦU BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Trung tâm Y tế huyện Tiên Du có nhu cầu thu thập báo giá để tham khảo, xây dựng giá, làm cơ sở tổ chức mua sắm sinh phẩm chẩn đoán với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Tiên Du, Thôn Hoài Trung, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Văn Hưng, số điện thoại: 0943 541983.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Y tế huyện Tiên Du, Thôn Hoài Trung, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.

- Nhận qua email: ttyttiendu@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14 giờ 00 phút ngày 26 tháng 12 năm 2024 đến trước 08 giờ 00 phút ngày 06 tháng 01 năm 2025 <sup>(2)</sup>

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục sinh phẩm chẩn đoán yêu cầu thu thập báo giá.

ST T	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng
1	Định tính phát hiện HbsAg	<p>- Nhằm phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (HBsAg) trong mẫu phẩm người</p> <p>- Thành phần 1 khay thử chứa:</p> <p>+ Liên hợp vàng: Liên hợp vàng của kháng thể bề mặt vi rút viêm gan B của chuột: <math>0,8 \pm 0,16 \mu\text{g}</math>.</p> <p>+ Vạch kết quả: Kháng thể chuột kháng bề mặt vi khuẩn viêm gan B: <math>3 \pm 0,6 \mu\text{g}</math>.</p> <p>+ Vạch chứng: Kháng thể chuột đơn dòng kháng bề mặt vi khuẩn viêm gan B: <math>0,6 \pm 0,12 \mu\text{g}</math>. Giới hạn phát hiện (LoD): 0,24 IU/ml với tỷ lệ dương tính <math>\geq 95\%</math>.</p> <p>- Độ nhạy của HBs Ag = 100% (95% CI: 95,8% đến 100%).</p> <p>- Độ đặc hiệu của Hbs Ag = 100% (95% CI: 95,8% đến 100%).</p>	Test	3.500

2	Định tính phát hiện kháng thể kháng HCV	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người</li> <li>- Thành phần 1 khay thử chứa:</li> <li>+ Cộng hợp: Liên hợp vàng - Protein A: 0,8±0,16µg.</li> <li>+ Vạch kết quả: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp: 1±0,2µg.</li> <li>+ Vạch chứng: Kháng thể dê kháng người: 0,6±0,12µg. Giới hạn phát hiện (LoD): ≥ 0,2s/co</li> <li>- Độ nhạy của HCV = 99,1% (95% CI: 94,3% ~ 100%).</li> <li>- Độ đặc hiệu của HCV = 100% (95% CI: 95,8% ~100%).</li> </ul>	Test	3.000
3	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng virus HIV	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện định tính tất cả các kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng virus HIV-1 và HIV-2 trong Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương hoặc huyết thanh và máu toàn phần của người.</li> <li>- Thành phần:</li> <li>+ Khay thử chứa Liên hợp vàng: HIV tái tổ hợp 1/2 kháng nguyên – keo vàng liên hợp : 0,8±0,16µg.</li> <li>+ Vạch xét nghiệm 1: Kháng nguyên HIV tái tổ hợp 1: 0,6±0,12µg.</li> <li>+ Vạch xét nghiệm 2: Kháng nguyên HIV tái tổ hợp 2. 0,5±0,1µg.</li> <li>+ Vạch chứng (c): Kháng thể dê kháng HIV 0,6±0,12µg.</li> <li>- Độ nhạy/đặc hiệu: giới hạn phát hiện (LoD): HIV tuýp 1 là ≤ 0,31s/co và HIV tuýp 2 là ≤ 0,33 s/co.</li> <li>- Độ nhạy với HIV 1/2:100% (95% CI: 96,38% đến 100%),</li> <li>- Độ đặc hiệu với HIV 1/2: 100% (95% CI: 96,38% đến 100%).</li> </ul>	Test	2.500
4	Test thử ma túy tổng hợp 5 chân	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu ở người: Morphine,MDMA,Ketamine,Methamphetamine,THC.	Test	200
5	Huyết thanh mẫu Anti - A	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dòng tế bào Anti A BRMA-1 sẽ phát hiện kháng nguyên A.</li> <li>- Quy cách đóng gói: 10 ml/lọ</li> </ul>	Lọ	25
6	Huyết thanh mẫu Anti - AB	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dòng tế bào Anti AB ES-4 / ES-15 sẽ phát hiện kháng nguyên A, Ax hoặc B.</li> <li>- Quy cách đóng gói: 10 ml/lọ</li> </ul>	Lọ	25



7	Huyết thanh mẫu Anti - B	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dòng tế bào Anti B LB-2 sẽ phát hiện kháng nguyên B.</li> <li>- Quy cách đóng gói: 10 ml/lọ</li> </ul>	Lọ	25
8	Huyết thanh mẫu Anti - D	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung dịch có chứa nồng độ protein thấp và IgM đơn dòng của người và IgG kháng D.</li> <li>- Quy cách đóng gói: 10 ml/lọ.</li> </ul>	Lọ	20
9	Test nhanh HbeAg	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Test nhanh phát hiện định tính kháng nguyên HbeAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương.</li> <li>- Độ nhạy tương đối: 98,4% (KT95%*: 94,4%-99,8%).</li> <li>- Độ đặc hiệu tương đối: 98,6% (KTC95%*: 96,7%-99,5%).</li> <li>- Độ chính xác: 98,5% (KTC 95%*: 97,0%-99,4%).</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul>	Test	300
10	Test nhanh chuẩn đoán virus cúm nhóm A,B	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích sử dụng: phát hiện kháng nguyên vi rút cúm loại A và loại B bằng cách sử dụng dịch mũi họng của người bệnh.</li> <li>- Chứa các hạt anti-Influenza A và B và anti-Influenza A và B được phủ trên màng.</li> <li>- Thành phần trong 1 test thử: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cộng hợp: Liên hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng cúm A: <math>0,14 \pm 0,028\mu\text{g}</math>.</li> <li>+ Cộng hợp: Liên hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng cúm B: <math>0,14 \pm 0,028\mu\text{g}</math>.</li> <li>+ Vạch kết quả 1: Kháng thể đơn dòng kháng cúm A: <math>0,24 \pm 0,048\mu\text{g}</math>.</li> <li>+ Vạch kết quả 2: Kháng thể đơn dòng kháng cúm B: <math>0,31 \pm 0,062\mu\text{g}</math>.</li> <li>+ Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng dê kháng IgG chuột: <math>1,03 \pm 0,206\mu\text{g}</math>.</li> </ul> </li> <li>- Độ nhạy của Cúm A = 100% (95% CI: 93,28% -100%).</li> <li>- Độ đặc hiệu của Cúm A = 96.22% (95% CI: 92,94% - 98.26%).</li> <li>- Độ nhạy của Cúm B = 98,39% (95% CI: 91,34% -99,96%).</li> <li>- Độ đặc hiệu của Cúm B = 94,76% (95% CI: 91,09% - 97,26%).</li> </ul>	Test	2.500
11	Test chuẩn đoán Rotavirus	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện định tính rotavirus trong các mẫu phân của người để hỗ trợ chẩn đoán nhiễm rotavirus.</li> <li>- Thành phần thanh thử: chứa các hạt được phủ kháng thể chống rotavirus và kháng thể chống rotavirus phủ trên màng.</li> <li>- Độ nhạy tương đối: <math>\geq 99,9\%</math> (98,4%-100%).</li> <li>- Tính đặc hiệu tương đối: <math>\geq 98,8\%</math> (95,8%-99,9%).</li> </ul>	Test	50

		- Độ chính xác tương đối: $\geq 99,4\%$ (98%-99,9%).		
12	Môi trường thạch Sabauround	- Dùng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm khác nhau, nấm mốc, nấm men. - Đĩa 90mm. Thành phần trong 1 lít: + Mycological peptone: 10g. + Glucose (dextrose): 40g. + Agar: 15g + pH: $5,6 \pm 0,2$	Đĩa	200
13	Môi trường thạch máu	- Sử dụng nuôi cấy các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. - Đĩa 90mm. -Thành phần trong 1 lít: + Special peptone: 23g. + Starch: 1g. + Sodium chloride: 5g. + Sheep blood: 50 ml. + Agar: 10g. + pH: $7,3 \pm 0,2$	Đĩa	200
14	Môi trường canh thang hiếm khí	- Sử dụng dùng để nuôi cấy tất cả vi khuẩn hiếu khí, kỵ khí và vi hiếu khí. - Thành phần (gm/litre): + Lab-Lemco powder: 1. + Yeast xtract: 2. + Peptone: 5. + Glucose: 5. + Sodium chloride: 5. + Sodium thioglycollate: 1,1. + Methylene blue: 0,002. + Agar: 1. + pH $7,2 \pm 0,2$	Ống	50
15	Môi trường canh thang thường	- Sử dụng để nuôi cấy cho nhiều loại vi sinh vật, bao gồm các vi sinh vật khó tính về mặt dinh dưỡng, nấm mốc và nấm men. - Thành phần(Gms/ Litre): + Brain infusion solids: 12,5. + Beef heart infusion solids: 5. + Proteose peptone: 10. + Sodium chloride: 5. + Glucose: 2. + Disodium phosphate: 2,5. + pH $7,4 \pm 0,2$	Ống	50
16	Khay xét nghiệm định tính kháng nguyên Chlamydia	- Sử dụng để phát hiện định tính Chlamydia trachomatis trong bệnh phẩm cổ tử cung nữ, tăm niệu đạo nam và mẫu nước tiểu nam để hỗ trợ chẩn đoán nhiễm Chlamydia - Thành phần khay thử: Chứa các hạt được	Test	700

		phủ kháng thể Chlamydia và kháng thể Chlamydia được phủ trên màng và đệm với 0,03% Proclin 300.		
17	Khay thử xét nghiệm kháng nguyên Dengue	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng để phát hiện kháng nguyên NS1 của vi rút sốt xuất huyết trong mẫu bệnh phẩm của người.</li> <li>- Thành phần trong 1 test thử: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cộng hợp: Liên hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng Dengue NS1: 0,12±0,023µg.</li> <li>+ Liên hợp vàng: Liên hợp vàng IgY-gà: 0,04±0,008µg.</li> <li>+ Vạch kết quả: Kháng thể đơn dòng chuột kháng sốt xuất huyết NS1: 1,08±0,21µg.</li> <li>+ Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng dê kháng IgY- gà: 0,18±0,04µg.</li> </ul> </li> <li>- Độ nhạy của Dengue NS1 Ag ≥ 95%.</li> <li>- Độ đặc hiệu của Dengue NS1 Ag ≥ 98%.</li> </ul>	Test	700
18	Khay thử xét nghiệm kháng thể IgG/IgM Dengue	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng để phát hiện kháng thể sốt xuất huyết IgG và IgM trong mẫu bệnh phẩm của người. Bộ dụng cụ này chỉ dành cho mục đích sử dụng chuyên nghiệp và dùng làm xét nghiệm sàng lọc ban đầu.</li> <li>- Thành Phần trong 1 test thử: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cộng hợp: Liên hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng sốt xuất huyết: 0,42±0,083µg.</li> <li>+ Vạch kết quả 1: Kháng thể đơn dòng kháng IgG người: 0,72±0,14µg.</li> <li>+ Vạch kết quả 2: Kháng thể đơn dòng kháng IgM người: 0,25±0,05µg.</li> <li>+ Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng dê kháng IgG chuột: 0,36±0,07µg.</li> </ul> </li> <li>- Độ nhạy của Dengue IgM ≥ 97%.</li> <li>- Độ đặc hiệu của Dengue IgM ≥ 93%.</li> <li>- Độ nhạy của Dengue IgG = 100%.</li> <li>- Độ đặc hiệu của Dengue IgG ≥ 98%.</li> </ul>	Test	700
19	Bộ nhuộm phân biệt vi khuẩn Gram dương và gram âm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi.</li> <li>- Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml.</li> <li>- Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng</li> </ul>	Bộ	5
20	Bộ nhuộm vi khuẩn kháng cồn kháng axit	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi.</li> <li>- Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm .</li> <li>- Thành phần: Chai Carbo Fuchsin .Chai</li> </ul>	Bộ	2



		Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) Chai Methylen Blue. - Đóng gói: Bộ 3 chai . - Chai: 250ml		
21	Bộ hóa chất nhuộm Papanicoloau (HE, EA50, Orange G)	- Bộ gồm có: Chai Hematoxyline harris , độ pH: 2,3-2,5. - Thành phần gồm có: Nước; Hematoxylin; Muối nhôm; Select Glycols; Select Acid; Select Preservative..Chai EA-50, dạng lỏng. Thành phần gồm có: Ethyl Alcohol ~85%; Nước 5%; Isopropyl Alcohol ~4%; Methyl Alcohol ~4%; Muối Eosin Y disodium <3%; Phosphotungstic Acid <5%; Fast Green FCF <3%. Chai OG-6, dạng lỏng. Thành phần gồm có: Ethyl Alcohol ~85%; Nước 5%; Isopropyl Alcohol ~4%; Methyl Alcohol ~4%; Phosphotungstic Acid <5%; Orange G <2%. - Đóng gói: Bộ 3 chai x Chai 1000 ml	Bộ	1
22	Môi trường thạch máu	- Là môi trường nuôi cấy các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. - Đĩa 90mm. - Thành phần trong 1 lít: + Special peptone: 23g. + Starch: 1g. + Sodium chloride: 5g. + Sheep blood: 50 ml. Agar: 10g. + pH: 7,3±0,2 . - Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	Đĩa	80
23	Môi trường thạch chocolate	- Là môi trường giàu dinh dưỡng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt Neisseria spp. và Haemophilus. - Đĩa 90mm. - Thành phần trong 1 lít: + Special peptone: 23g + Starch: 1g. + Sodium chloride: 5g. + Defibrinated sheep blood: 70g. + MultiVitox: 1 bộ + Agar: 10g. + pH 7,3 ± 0,2	Đĩa	50
24	Môi trường thạch UTI	- Là môi trường tạo màu nhằm chẩn đoán nhận biết và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). - Đĩa 90mm. - Thành phần trong 1 lít: + Peptone: 9g.	Đĩa	30

		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chromogenic mix: 17g.</li> <li>+ Tryptophane: 1g.</li> <li>+ Agar: 10g.</li> <li>+ pH: 6,8 ±0,2.</li> <li>- Đóng gói: 10 đĩa/Hộp</li> </ul>		
25	Môi trường thạch MacConkey Agar	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là môi trường phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu vật có nguồn gốc lâm sàng.</li> <li>- Đĩa 90mm.</li> <li>- Thành phần trong 1 lít: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Peptone: 20g.</li> <li>+ Lactose: 10g.</li> <li>+ Bile salts: 1,5g.</li> <li>+ Sodium chloride: 5g.</li> <li>+ Neutral red: 0,03g.</li> <li>+ Crystal Violet: 0,001g.</li> <li>+ Agar: 15g.</li> <li>+ pH: 7,1±0,2.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: 10 đĩa/Hộp</li> </ul>	Đĩa	50
26	Môi trường nuôi cấy cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là môi trường nuôi cấy cơ bản giàu dinh dưỡng.</li> <li>- Đĩa 90mm.</li> <li>- Thành phần(Per litre): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Peptone: 6f.</li> <li>+ Beef Extract: 1g.</li> <li>+ Yeast Extract: 2g.</li> <li>+ Sodium chloride: 5g.</li> <li>+ Agar: 14g.</li> <li>+ pH: 7,3 ± 0,2 .</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: 10 đĩa/Hộp</li> </ul>	Đĩa	20
27	Môi trường kháng sinh đồ vi khuẩn không khó mọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là môi trường thường dùng để thực hiện thao tác kháng sinh đồ trong lâm sàng. Được đề xuất bởi CLSI cho kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn không khó mọc.</li> <li>- Đĩa 90mm.</li> <li>- Thành phần trong 1 lít: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Acid Digest of Casein: 17,5g.</li> <li>+ Beef Extract: 2g.</li> <li>+ Starch: 1,5g.</li> <li>+ Agar: 17.</li> <li>+ Sodium chloride: 5g.</li> <li>+ pH: 7,3±0,2.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: 10 đĩa/Hộp</li> </ul>	Đĩa	50
28	Môi trường dùng cho kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn khó mọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là môi trường thường dùng để thực hiện thao tác kháng sinh đồ trong lâm sàng, được đề xuất bởi CLSI cho kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh của vi sinh vật khó mọc.</li> <li>- Đĩa 90mm.</li> </ul>	Đĩa	20

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần trong 1 lít:</li> <li>+ Acid Digest of Casein: 17,5g.</li> <li>+ Beef Extract: 2g.</li> <li>+ Starch: 1,5g.</li> <li>+ Agar: 17.</li> <li>+ Sodium chloride: 5.</li> <li>+ Sheep Blood: 50ml.</li> <li>+ pH: 7,3±0,2.</li> <li>- Đóng gói: 10 đĩa/Hộp</li> </ul>		
29	Môi trường thạch nghiêng dùng để phân biệt vi khuẩn Gram âm đường ruột dựa trên việc sinh H <sub>2</sub> S và quá trình lên men đường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng để nhận biết các mầm bệnh vi khuẩn Gram âm đường ruột Enterobacteriaceae, dựa trên quá trình lên men đường và sinh H<sub>2</sub>S.</li> <li>- Thành phần trong 1 lít:</li> <li>+ Lab-Lemco' powder: 3g.</li> <li>+ Yeast extract: 3g.</li> <li>+ Peptone: 20g.</li> <li>+ Sodium chloride: 5g.</li> <li>+ Lactose: 10g.</li> <li>+ Glucose: 1g.</li> <li>+ Ferric citrate: 0,3g.</li> <li>+ Sodium thiosulphate: 0,3g.</li> <li>+ Phenol red: 0,05g.</li> <li>+ Agar: 12.</li> <li>+ pH 7,4 ± 0,2.</li> <li>- Hộp: 10 ống (5,5 ml/ống)</li> </ul>	Ống	20
30	Môi trường thạch nghiêng được dùng để phát hiện khả năng sử dụng Citrate của vi khuẩn gram âm đường ruột	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng để phân biệt vi khuẩn đường ruột dựa trên khả năng sử dụng citrate.</li> <li>- Thành phần trong 1 lít:</li> <li>+ Magnesium sulphate: 0,2g.</li> <li>+ Ammonium dihydrogen phosphate: 0,2g.</li> <li>+ Sodium ammonium phosphate: 0,8g.</li> <li>+ Sodium citrate tribasic: 0,2g.</li> <li>+ Sodium chloride: 5g.</li> <li>+ Bromothymol blue: 0,08g.</li> <li>+ Agar: 15g.</li> <li>+ pH: 7,0 ± 0,2.</li> <li>- Đóng gói: 10 Ống/Hộp (ống 4 ml)</li> </ul>	Ống	20
31	Môi trường thạch nghiêng phân lập Staphylococci.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là môi trường chọn lọc sử dụng để phân lập Staphylococci từ mẫu bệnh phẩm, sữa, thịt và thực phẩm.</li> <li>- Thành phần (Gms/ Litre):</li> <li>+ Lab-Lemco powder: 1g.</li> <li>+ Peptone: 10g.</li> <li>+ Mannitol: 10g.</li> <li>+ Sodium chloride: 75g.</li> <li>+ Phenol red: 0,025g.</li> <li>+ Agar: 15g.</li> </ul>	Ống	20



		+ Ph: $7,5 \pm 0,2$ . - Đóng gói: 10 Ống/Hộp (ống 4 ml)		
32	Khoanh giấy Oxidase	- Khoanh giấy phát hiện nhanh enzyme cytochrome oxidase (Oxidase) ở vi khuẩn. - Quy cách đóng gói: + Hộp: 5 cartridge. + Cartridge: 50 khoanh giấy đường kính 6mm.	Hộp	1
33	Thanh định danh trực khuẩn đường ruột	Thanh định danh trực khuẩn đường ruột và các trực khuẩn Gram âm khác, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đông khô.	Hộp	2
34	Thanh định danh trực khuẩn ngoài đường ruột	Thanh định danh trực khuẩn ngoài đường ruột, dễ mọc, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đông khô và 7ml môi trường AUX.	Hộp	2
35	Hóa chất định danh 20E reagent	- Hóa chất định danh 20E gồm 6 ống hóa chất: JAMES .NIT1.NIT2.VP1.VP2.TDA. - Quy cách: 6 Ống/hộp	Hộp	1
36	Dầu khoáng	Là một sản phẩm chuẩn đoán được sử dụng cho có đủ điều kiện môi trường cho vi khuẩn kỵ khí phát triển.	Lọ	1
37	Thanh định danh liên cầu	- Thanh định danh liên cầu và cầu khuẩn đường ruột. Quy cách: +Hộp: 25 thanh thử và F4625 ống chứa môi trường	Hộp	2
38	Thanh định danh cầu khuẩn	- Thanh định danh các loài vi khuẩn thuộc giống Staphylococcus, Micrococcus và Kocuria. - Quy cách: + Hộp: 25 thanh thử và 25 ống chứa môi trường	Hộp	2
39	Hóa chất định danh ZYM B	- Ống 5ml chứa Methanol và Dimethyl sulfoxide. - Quy cách: Hộp: 2 Ống	Hộp	1
40	Hóa chất định danh ZYM A	- Ống 8ml chứa: Tris-hydroxymethyl-aminomethane.Hydrochloric acid.Natri lauryl sulfate. - Quy cách: Hộp: 2 Ống	Hộp	1
41	Hóa chất định danh NIN	- Ống 5ml chứa: + Ninhydrin. + Methanol. + Dimethyl sulfoxide - Quy cách: Hộp: 2 Ống	Hộp	1
42	Bộ ống chuẩn McFarland	Hộp gồm 6 ống chuẩn McFarland (0.5, 1, 2, 3, 4, 5)	Hộp	1
43	Môi trường lỏng được dùng để tăng sinh các vi	- Ống nhựa chứa 5ml môi trường dạng lỏng có kháng sinh dùng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B (GBS).	Hộp	20

	khuẩn khó mọc, đặc biệt nhóm Liên cầu B	Thành phần: Infusion from 450 g fat-free minced meat.Tryptone.Glucose.Sodium bicarbonate.Sodium chloride.Disodium phosphate.Nalidixic acidColistin sulfate.p.H: 7,8±0,2. - Đóng gói: hộp 10 ống		
44	Môi trường phân lập và xác định nhóm liên cầu B	- Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sinh màu được sử dụng để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B. - Đĩa 90mm. - Thành phần: Peptone and yeast extract.Salts.Chromogenic mix.Growth factors mix.Selective mix.Agar. pH: 7,3±0,2. - Đóng gói: Hộp 10 đĩa	Hộp	20
45	Hóa chất thử phản ứng catalase	- Hóa chất phát hiện sự có mặt của enzym catalase. - Thành phần: + Dung dịch hydro peroxide 3%. + Chất làm dày: 20g.Evans xanh. - Qui cách:Hộp: 2 lọ.Lọ: 5ml	Lọ	2
46	Khoanh kháng sinh Ampicillin/Sulbactam	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Ampicillin/Sulbactam. - Hàm lượng: 20µg. - Quy cách: + Hộp: 5 ống. + Ống: 50 khoanh giấy	Hộp	1
47	Khoanh kháng sinh Azithromycin	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Azithromycin. - Hàm lượng: 15µg. - Quy cách: + Hộp: 5 ống. + Ống: 50 khoanh giấy	Hộp	1
48	Khoanh kháng sinh Cefotaxime	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Cefotaxime. - Hàm lượng: 30µg. - Quy cách: + Hộp: 5 ống. + Ống: 50 khoanh giấy	Hộp	1
49	Khoanh kháng sinh Ceftazidime	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Ceftazidime. - Hàm lượng: 30µg. - Quy cách: + Hộp:5 ống. + Ống:50 khoanh giấy	Hộp	1
50	Khoanh kháng sinh Ceftriaxone	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Ceftriaxone. - Hàm lượng: 30µg. - Quy cách: + Hộp:5 ống + Ống:50 khoanh giấy.	Hộp	1

51	Khoanh kháng sinh Ciprofloxacin	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Ciprofloxacin. - Hàm lượng: 10µg. - Quy cách: + Hộp:5 ống. + Ống:50 khoanh giấy	Hộp	1
52	Khoanh kháng sinh Clindamycin	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Clindamycin. - Hàm lượng: 2µg. - Quy cách: + Hộp:5 ống. + Ống:50 khoanh giấy	Hộp	1
53	Khoanh kháng sinh Gentamicin	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Gentamicin. - Hàm lượng: 10µg. - Quy cách: + Hộp:5 ống. + Ống:50 khoanh giấy	Hộp	1
54	Khoanh kháng sinh Levofloxacin	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Levofloxacin. - Hàm lượng: 5µg. - Quy cách: + Hộp:5 ống. + Ống:50 khoanh giấy	Hộp	1
55	Khoanh kháng sinh Metronidazole	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Metronidazole. - Hàm lượng: 5µg. - Quy cách: + Hộp:5 ống. + Ống:50 khoanh giấy	Hộp	1
56	Khoanh kháng sinh Ofloxacin	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Ofloxacin. - Hàm lượng: 5µg. - Quy cách: + Hộp:5 ống. + Ống:50 khoanh giấy	Hộp	1
57	Khoanh kháng sinh Sulphamethoxazole/trimethoprim	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Sulphamethoxazole/trimethoprim. - Hàm lượng: 25µg. - Quy cách: + Hộp: 5 ống. + Ống:50 khoanh giấy	Hộp	1
58	Khoanh kháng sinh Ceftizoxime	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Ceftizoxime. - Hàm lượng:30µg. - Quy cách: + Hộp:5 ống. + Ống:50 khoanh giấy	Hộp	1
59	Khoanh giấy kháng sinh đồ Meropenem.	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Meropenem. - Hàm lượng: 10µg. - Quy cách:	Hộp	1



		+ Hộp:5 ống. + Ống:50 khoan giấy		
60	Khoanh giấy kháng sinh đồ Amikacin	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Amikacin. - Hàm lượng:30µg. - Quy cách: + Hộp:5 ống. + Ống:50 khoan giấy	Hộp	1
61	Khoanh giấy kháng sinh đồ Cephazolin	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Cephazolin. - Hàm lượng: 30µg. - Quy cách: + Hộp: 5 ống. + Ống: 50 khoan giấy	Hộp	1
62	Khoanh giấy kháng sinh đồ Amoxicillin/clavulanic acid	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Amoxicillin/clavulanic acid. - Hàm lượng: 30µg. - Quy cách: + Hộp: 5 ống. + Ống: 50 khoan giấy	Hộp	1
63	Khoanh kháng sinh Cefoperazone	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Cefoperazone. - Hàm lượng: 30µg. - Quy cách: + Hộp: 5 ống. + Ống: 50 khoan giấy	Hộp	1
64	Khoanh kháng sinh Vancomycin	- Khoanh thử nghiệm kháng sinh Vancomycin. - Hàm lượng: 30µg. - Quy cách: + Hộp: 5 ống. + Ống: 50 khoan giấy	Hộp	1
65	Test thử đường huyết mao mạch	- Cỡ mẫu: 0,5 ul. - Thời gian phản ứng: ≤ 5 giây. - Dải đo từ: 20 mg/dL đến 600mg/dL. - Độ chính xác đối với mẫu mao mạch: + Trong phạm vi ±10 mg/dL (0,55 mmol/L) đối với nồng độ Glucose < 100 mg/dL (5,55 mmol/L): ≥ 99,5%. + Trong phạm vi ±15 mg/dL (0,83 mmol/L) đối với nồng độ Glucose < 100 mg/dL (5,55 mmol/L): 100%. + Trong phạm vi ±10 mg/dL (0,55 mmol/L) đối với nồng độ Glucose ≥100 mg/dL (5,55 mmol/L): ≥ 95%. + Trong phạm vi ± 15 mg/dL (0,83 mmol/L) đối với nồng độ Glucose ≥100 mg/dL (5,55 mmol/L): ≥ 99,5%. + Trong phạm vi ± 15 mg/dL (0,83 mmol/L) đối với nồng độ Glucose trong khoảng 27,9	Test	22.350

		mg/dL (1,55 mmol/L) đến 550 mg/dL (30,56 mmol/L): $\geq 99,8\%$ . - Độ chính xác đối với mẫu tĩnh mạch: + Trong phạm vi $\pm 10$ mg/dL (0,55 mmol/L) đối với nồng độ Glucose $< 100$ mg/dL (5,55 mmol/L): 100%. + Trong phạm vi $\pm 15$ mg/dL (0,83 mmol/L) đối với nồng độ Glucose $< 100$ mg/dL (5,55 mmol/L): 100%. + Trong phạm vi $\pm 10$ mg/dL (0,55 mmol/L) đối với nồng độ Glucose $\geq 100$ mg/dL (5,55 mmol/L): $\geq 98,5\%$ . + Trong phạm vi $\pm 15$ mg/dL (0,83 mmol/L) đối với nồng độ Glucose $\geq 100$ mg/dL (5,55 mmol/L): $\geq 99,5\%$ . + Trong phạm vi $\pm 15$ mg/dL (0,83 mmol/L) đối với nồng độ Glucose trong khoảng 27,9 mg/dL (1,55 mmol/L) đến 550 mg/dL (30,56 mmol/L): $\geq 99,5\%$ . - Đạt tiêu chuẩn: FDA.		
66	Test thử vi khuẩn Pylori	- Thành phần: Urea, Disodium hydrogen phosphate dihydrate, Potassium dihydrogen phosphate, Agar, Phenol red, nước.	Test	4.000

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại Trung tâm Y tế huyện Tiên Du, Thôn Hoài Trung, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: theo yêu cầu của Trung tâm Y tế huyện Tiên Du trong 365 ngày.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:


- Không tạm ứng
- Thanh toán cho bên bán qua tài khoản của bên bán tại ngân hàng khi có đủ các chứng từ thanh toán theo quy định hiện hành.

5. Tài liệu cung cấp kèm theo báo giá<sup>(1)</sup>:

- Yêu cầu đơn vị báo giá cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công TTĐT Trung tâm;
- Lưu VT, TCKT, KD.


  
**GIÁM ĐỐC**  
**Lê Việt An**